

LỊCH THI CUỐI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2020 - 2021_THAY ĐỔI LẦN 3**Thời gian thi: từ ngày 16/08/2021 đến ngày 05/09/2021****KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN****ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC DỰ THI CỦA SINH VIÊN :**

- Sinh viên phải đóng học phí đúng theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên không có tên trong danh sách cầm thi.
- Sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút để hoàn tất thủ tục dự thi cuối học kỳ.
- Sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh trong phòng thi.
- Sinh viên không được sử dụng điện thoại di động và các thiết bị truyền tin trong ca thi.
- Trong suốt thời gian có mặt trong phòng thi, sinh viên đeo khẩu trang và giữ khoảng cách với người khác để phòng dịch.

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
29	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH05	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
30	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH07	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
31	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH06	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
32	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH09	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
33	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH11	2	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
34	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH13	5	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
39	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D17_TH01	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
42	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D16_TH03	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
44	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	C18_TH01	1	Hai	16/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_NKH_HL
84	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH01_No01 [STT 01-29]	29	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
85	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH01_No02 [STT 30-57]	28	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
86	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C310	DH_HK2_L1
87	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C312	DH_HK2_L1
88	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C314	DH_HK2_L1
89	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C401	DH_HK2_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
90	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C408	DH_HK2_L1
91	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C410	DH_HK2_L1
92	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_L1
93	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_L1
94	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C501	DH_HK2_L1
95	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
96	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
97	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
98	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C514	DH_HK2_L1
99	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH08_No02 [STT 32-62]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
100	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
101	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
102	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
103	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
104	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C608	DH_HK2_L1
105	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_L1
106	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH01	2	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
107	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH02	3	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
108	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH03	2	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
109	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH06	3	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
110	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH07	6	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
111	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH08	3	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
112	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D19_TH09	2	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
113	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D18_TH06	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
114	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D18_TH10	2	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
115	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D18_TH14	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
116	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TH02	6	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
117	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TH04	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
118	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TH05	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
119	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TH07	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
120	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TH08	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
121	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D17_TH09	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
122	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D16_TH02	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
123	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D15_TH05	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
124	GS33002	Toán A2 (Hàm nhiều biến, giải tích vec tơ)	D15_TH06	1	Hai	16/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
182	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH01	45	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C606	DH_HK4_L1
183	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C310	DH_HK4_L1
184	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C312	DH_HK4_L1
185	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH03	48	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C608	DH_HK4_L1
186	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH04	39	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C701	DH_HK4_L1
187	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH05	42	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C703	DH_HK4_L1
188	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH06	47	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C704	DH_HK4_L1
189	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH07	41	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C705	DH_HK4_L1
190	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH08	36	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C314	DH_HK4_L1
191	GS19004	Tiếng Anh 4	D19_TH09	38	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C410	DH_HK4_L1
201	GS19004	Tiếng Anh 4	D18_TH03	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
202	GS19004	Tiếng Anh 4	D18_TH09	3	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
203	GS19004	Tiếng Anh 4	D18_TH11	2	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
204	GS19004	Tiếng Anh 4	D18_TH13	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
210	GS19004	Tiếng Anh 4	D17_TH01	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
211	GS19004	Tiếng Anh 4	D17_TH03	6	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
212	GS19004	Tiếng Anh 4	D17_TH10	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
220	GS19004	Tiếng Anh 4	D16_TH01	1	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
221	GS19004	Tiếng Anh 4	D16_TH10	2	Ba	17/08/2021	08 giờ 00	C706	DH_HK4_HL
333	GS41003	Vật lý đại cương (CD)	C18_TH01	15	Tư	18/08/2021	09 giờ 30	C704	CD_NKH_HL
351	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH01_No01 [STT 01-29]	29	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
352	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH01_No02 [STT 30-57]	28	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
353	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C310	DH_HK2_L1
354	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C312	DH_HK2_L1
355	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C314	DH_HK2_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
356	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C401	DH_HK2_L1
357	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C408	DH_HK2_L1
358	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C410	DH_HK2_L1
359	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_L1
360	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_L1
361	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C501	DH_HK2_L1
362	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
363	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
364	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
365	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C514	DH_HK2_L1
366	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH08_No02 [STT 32-61]	30	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
367	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
368	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
369	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
370	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
371	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C608	DH_HK2_L1
372	GS19002	Tiếng Anh 2	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_L1
373	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TH01	2	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
374	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TH04	1	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
375	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TH06	1	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
376	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TH08	1	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
377	GS19002	Tiếng Anh 2	D19_TH09	3	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
378	GS19002	Tiếng Anh 2	D18_TH01	3	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
379	GS19002	Tiếng Anh 2	D17_TH01	1	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
380	GS19002	Tiếng Anh 2	D17_TH05	1	Tư	18/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
423	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH01	45	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK4_L1
424	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C512	DH_HK4_L1
425	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_L1
426	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH03	47	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C606	DH_HK4_L1
427	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH04	37	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C608	DH_HK4_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
428	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH05	42	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_L1
429	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH06	45	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_L1
430	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH07	41	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_L1
431	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH08	36	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C705	DH_HK4_L1
432	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D19_TH09	40	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C706	DH_HK4_L1
438	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D18_TH01	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
439	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D18_TH07	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
440	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D18_TH09	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
441	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D18_TH13	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
444	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D17_TH01	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
445	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D17_TH04	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
446	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D17_TH07	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
447	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D17_TH09	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
451	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D16_TH01	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
452	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D16_TH07	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
453	GS79008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	D15_TH04	1	Năm	19/08/2021	07 giờ 30	C708	DH_HK4_HL
455	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH01	12	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
456	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH02	11	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
457	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH03	17	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
458	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH04	17	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
459	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH05	11	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
460	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH06	12	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
461	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH07	4	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
462	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH09	3	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
463	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH10	2	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
464	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH11	4	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
465	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH12	21	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
466	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH13	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
467	CS03024	An ninh máy tính	D18_TH14	11	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
468	CS03024	An ninh máy tính	D17_TH01	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
469	CS03024	An ninh máy tính	D17_TH05	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_HL
470	CS03024	An ninh máy tính	D17_TH08	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_HL
471	CS03024	An ninh máy tính	D16_TH08	1	Năm	19/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_HL
604	CS01009	Nhập môn lập trình Web	C18_TH01	11	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C606	CD_NKH_HL
605	CS01009	Nhập môn lập trình Web	C17_TH01	1	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C606	CD_NKH_HL
606	CS01009	Nhập môn lập trình Web	C15_TH01	1	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C606	CD_NKH_HL
613	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH08	3	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
614	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH03	4	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
615	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH05	2	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
616	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH06	3	Sáu	20/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_HL
670	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH01	44	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_HK4_L1
671	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C501	DH_HK4_L1
672	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH02_No02 [STT 26-50]	25	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C508	DH_HK4_L1
673	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH03	48	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C603	DH_HK4_L1
674	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH04	39	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C604	DH_HK4_L1
675	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH05	41	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK4_L1
676	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH06	43	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C606	DH_HK4_L1
677	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH07	39	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C608	DH_HK4_L1
678	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH08	31	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C510	DH_HK4_L1
679	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH09	32	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C512	DH_HK4_L1
680	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	L20_TH01	2	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_L1
681	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH01	5	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
682	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH02	3	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
683	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH03	6	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
684	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH05	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
685	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH10	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
686	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH11	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
687	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH12	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
688	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH01	7	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
689	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH02	4	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
690	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH03	4	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_HL
691	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH04	5	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
692	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH06	2	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
693	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH09	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
694	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH10	4	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
695	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH01	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
696	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH02	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
697	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH03	3	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
698	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH06	3	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
699	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH07	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
700	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH08	2	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
701	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH10	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
702	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D15_TH04	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
703	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D15_TH08	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
704	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	L19_TH01	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
705	CS03007	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	L17_TH01	1	Bảy	21/08/2021	07 giờ 30	C414	DH_HK4_HL
759	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH01	30	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C708	DH_HK6_L1
760	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH02	25	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_L1
761	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH03	24	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_L1
762	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH04	25	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C704	DH_HK6_L1
763	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH05	17	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_L1
764	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH06	18	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_L1
765	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH07	20	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C705	DH_HK6_L1
766	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH08	18	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C704	DH_HK6_L1
767	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH09	17	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C705	DH_HK6_L1
768	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH10	33	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C412	DH_HK6_L1
769	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH11	21	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C706	DH_HK6_L1
770	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH12	32	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C414	DH_HK6_L1
771	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH13	14	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C706	DH_HK6_L1
772	CS03045	Kiểm thử phần mềm	D18_TH14	17	Bảy	21/08/2021	09 giờ 30	C708	DH_HK6_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
795	TPHODC00	Hóa đại cương	D15_TH07	1	Bảy	21/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_NKH_HL
880	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH01_No01 [STT 01-28]	28	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
881	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH01_No02 [STT 29-56]	28	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
882	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C310	DH_HK2_L1
883	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C312	DH_HK2_L1
884	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C314	DH_HK2_L1
885	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C401	DH_HK2_L1
886	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C408	DH_HK2_L1
887	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C410	DH_HK2_L1
888	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_L1
889	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_L1
890	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C501	DH_HK2_L1
891	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
892	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
893	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
894	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C514	DH_HK2_L1
895	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH08_No02 [STT 32-62]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
896	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
897	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
898	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
899	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
900	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C608	DH_HK2_L1
901	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_L1
902	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D19_TH03	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
903	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D19_TH05	2	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
904	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D19_TH07	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
905	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D18_TH14	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
906	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D17_TH02	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
908	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D16_TH03	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
909	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D16_TH04	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
911	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D15_TH02	1	Hai	23/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
914	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH01_No01 [STT 01-28]	28	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
915	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH01_No02 [STT 29-56]	28	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
916	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C310	DH_HK2_L1
917	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C312	DH_HK2_L1
918	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C314	DH_HK2_L1
919	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C401	DH_HK2_L1
920	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C408	DH_HK2_L1
921	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C410	DH_HK2_L1
922	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C412	DH_HK2_L1
923	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C414	DH_HK2_L1
924	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C501	DH_HK2_L1
925	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
926	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
927	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
928	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C514	DH_HK2_L1
929	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH08_No02 [STT 32-62]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
930	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
931	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
932	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
933	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
934	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C608	DH_HK2_L1
935	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C704	DH_HK2_L1
936	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D19_TH03	2	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
937	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D19_TH06	7	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
938	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D19_TH07	1	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
940	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D18_TH14	1	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
941	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D17_TH02	1	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
943	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D16_TH03	1	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
944	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D16_TH04	1	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
946	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D15_TH02	1	Hai	23/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
963	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH01	42	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_HK4_L1
964	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C603	DH_HK4_L1
965	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C603	DH_HK4_L1
966	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH03	48	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C604	DH_HK4_L1
967	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH04	39	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK4_L1
968	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH05	42	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C606	DH_HK4_L1
969	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH06	45	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C608	DH_HK4_L1
970	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH07	40	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_L1
971	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH08	35	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_L1
972	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D19_TH09	40	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C705	DH_HK4_L1
973	CS03008	Cơ sở dữ liệu	L20_TH01	2	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_L1
974	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D18_TH01	10	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
975	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D18_TH03	4	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
976	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D18_TH04	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
977	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D18_TH09	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
978	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D18_TH14	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
979	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH01	9	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
980	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH02	2	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
981	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH03	7	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
982	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH04	8	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
983	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH07	2	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
984	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH09	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
985	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D17_TH10	2	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
986	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D16_TH04	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
987	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D16_TH07	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
988	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D16_TH10	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
989	CS03008	Cơ sở dữ liệu	D15_TH10	1	Ba	24/08/2021	07 giờ 30	C704	DH_HK4_HL
1042	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH01	21	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
1043	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH02	13	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1044	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH03	9	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
1045	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH04	8	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
1046	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH05	7	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
1047	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH06	9	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
1048	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH07	16	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
1049	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH08	18	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C514	DH_HK6_L1
1050	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH09	15	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1051	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH10	31	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1052	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH11	19	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1053	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH12	11	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1054	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH13	11	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1055	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D18_TH14	11	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C514	DH_HK6_L1
1056	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D17_TH01	1	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C514	DH_HK6_HL
1057	CS03026	Mã hóa ứng dụng	D17_TH06	1	Ba	24/08/2021	09 giờ 30	C514	DH_HK6_HL
1176	GS59001	Tin học đại cương	D19_TH03	1	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1185	GS59001	Tin học đại cương	D18_TH04	1	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1186	GS59001	Tin học đại cương	D18_TH07	2	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1187	GS59001	Tin học đại cương	D18_TH13	2	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1199	GS59001	Tin học đại cương	D17_TH09	1	Tư	25/08/2021	15 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
1231	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH01	45	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C601	DH_HK4_L1
1232	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C512	DH_HK4_L1
1233	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C514	DH_HK4_L1
1234	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH03	48	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C603	DH_HK4_L1
1235	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH04	39	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C604	DH_HK4_L1
1236	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH05	42	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C605	DH_HK4_L1
1237	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH06	48	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C606	DH_HK4_L1
1238	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH07	39	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C608	DH_HK4_L1
1239	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH08	34	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_L1
1240	CS03009	Hệ điều hành	D19_TH09	36	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_L1
1241	CS03009	Hệ điều hành	L20_TH01	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1242	CS03009	Hệ điều hành	D18_TH01	2	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1243	CS03009	Hệ điều hành	D18_TH03	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1244	CS03009	Hệ điều hành	D18_TH10	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1245	CS03009	Hệ điều hành	D18_TH14	7	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C703	DH_HK4_HL
1246	CS03009	Hệ điều hành	D17_TH01	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1247	CS03009	Hệ điều hành	D17_TH08	3	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1248	CS03009	Hệ điều hành	D17_TH09	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1249	CS03009	Hệ điều hành	D16_TH03	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1250	CS03009	Hệ điều hành	D16_TH06	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1251	CS03009	Hệ điều hành	D16_TH08	1	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1252	CS03009	Hệ điều hành	D16_TH10	2	Năm	26/08/2021	07 giờ 30	C701	DH_HK4_HL
1281	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH01	3	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1282	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH02	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1283	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH03	10	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1284	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH04	1	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1285	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH05	4	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1286	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH06	3	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1287	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH07	10	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1288	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH08	1	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1289	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH09	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1290	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH10	10	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1291	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH11	5	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1292	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH12	8	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1293	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH13	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1294	CS03022	Quản lý dự án	D18_TH14	8	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1295	CS03022	Quản lý dự án	D17_TH02	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
1296	CS03022	Quản lý dự án	D17_TH05	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
1297	CS03022	Quản lý dự án	D17_TH07	1	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
1298	CS03022	Quản lý dự án	D17_TH08	1	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
1299	CS03022	Quản lý dự án	D17_TH10	2	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1300	CS03022	Quản lý dự án	D16_TH03	4	Năm	26/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_HL
1434	GS43002	Vật lý 2	D20_TH01_No01 [STT 01-29]	29	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
1435	GS43002	Vật lý 2	D20_TH01_No02 [STT 30-57]	28	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
1436	GS43002	Vật lý 2	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C310	DH_HK2_L1
1437	GS43002	Vật lý 2	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C312	DH_HK2_L1
1438	GS43002	Vật lý 2	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C314	DH_HK2_L1
1439	GS43002	Vật lý 2	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C401	DH_HK2_L1
1440	GS43002	Vật lý 2	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C408	DH_HK2_L1
1441	GS43002	Vật lý 2	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C410	DH_HK2_L1
1442	GS43002	Vật lý 2	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_L1
1443	GS43002	Vật lý 2	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_L1
1444	GS43002	Vật lý 2	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C501	DH_HK2_L1
1445	GS43002	Vật lý 2	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
1446	GS43002	Vật lý 2	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
1447	GS43002	Vật lý 2	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
1448	GS43002	Vật lý 2	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
1449	GS43002	Vật lý 2	D20_TH08_No02 [STT 32-62]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
1450	GS43002	Vật lý 2	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
1451	GS43002	Vật lý 2	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
1452	GS43002	Vật lý 2	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
1453	GS43002	Vật lý 2	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C608	DH_HK2_L1
1454	GS43002	Vật lý 2	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_L1
1455	GS43002	Vật lý 2	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_L1
1456	GS43002	Vật lý 2	D19_TH01	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1457	GS43002	Vật lý 2	D19_TH02	3	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1458	GS43002	Vật lý 2	D19_TH03	5	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1459	GS43002	Vật lý 2	D19_TH04	5	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1460	GS43002	Vật lý 2	D19_TH05	4	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1461	GS43002	Vật lý 2	D19_TH06	6	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1462	GS43002	Vật lý 2	D19_TH07	15	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1463	GS43002	Vật lý 2	D19_TH08	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1464	GS43002	Vật lý 2	D19_TH09	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1465	GS43002	Vật lý 2	D18_TH04	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1466	GS43002	Vật lý 2	D18_TH05	4	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1467	GS43002	Vật lý 2	D18_TH06	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_HL
1468	GS43002	Vật lý 2	D18_TH11	5	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1469	GS43002	Vật lý 2	D18_TH12	2	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1470	GS43002	Vật lý 2	D18_TH13	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1471	GS43002	Vật lý 2	D17_TH01	2	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1472	GS43002	Vật lý 2	D17_TH02	8	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1473	GS43002	Vật lý 2	D17_TH03	5	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1474	GS43002	Vật lý 2	D17_TH04	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1475	GS43002	Vật lý 2	D17_TH05	2	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1476	GS43002	Vật lý 2	D17_TH07	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1477	GS43002	Vật lý 2	D17_TH08	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1478	GS43002	Vật lý 2	D17_TH09	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1479	GS43002	Vật lý 2	D17_TH10	2	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1480	GS43002	Vật lý 2	D16_TH02	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1481	GS43002	Vật lý 2	D16_TH03	2	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1482	GS43002	Vật lý 2	D16_TH04	2	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1483	GS43002	Vật lý 2	D16_TH09	3	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1484	GS43002	Vật lý 2	D15_TH01	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1485	GS43002	Vật lý 2	D15_TH03	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1486	GS43002	Vật lý 2	D15_TH05	3	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1487	GS43002	Vật lý 2	D15_TH10	1	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1488	GS43002	Vật lý 2	C16_TH01	3	Sáu	27/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_HL
1561	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH01	33	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C510	DH_HK6_L1
1562	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH02	25	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
1563	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH03	21	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C601	DH_HK6_L1
1564	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH04	22	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1565	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH05	15	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C603	DH_HK6_L1
1566	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH06	17	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1567	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH07	21	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C604	DH_HK6_L1
1568	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH08	18	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1569	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH09	17	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C605	DH_HK6_L1
1570	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH10	33	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C512	DH_HK6_L1
1571	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH11	21	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C606	DH_HK6_L1
1572	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH12	32	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C514	DH_HK6_L1
1573	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH13	14	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C606	DH_HK6_L1
1574	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH14	19	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_L1
1575	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH01	12	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1576	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH02	12	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1577	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH03	8	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_HL
1578	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH04	7	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_HL
1579	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH05	11	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_HL
1580	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH06	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_HL
1581	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH07	7	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_HL
1582	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH08	6	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1583	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH09	3	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1584	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH10	16	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1585	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH01	2	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1586	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH02	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1587	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH03	2	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1588	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH06	3	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1589	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH07	2	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1590	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH08	3	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1591	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH10	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1592	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D15_TH01	2	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1593	CS03020	Quản trị cơ sở dữ liệu	D15_TH08	1	Bảy	28/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_HL
1707	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH01_No01 [STT 01-29]	29	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C601	DH_HK2_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1708	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH01_No02 [STT 30-57]	28	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
1709	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
1710	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
1711	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
1712	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C608	DH_HK2_L1
1713	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_L1
1714	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_L1
1715	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_L1
1716	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_L1
1717	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C706	DH_HK2_L1
1718	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C708	DH_HK2_L1
1719	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C801	DH_HK2_L1
1720	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C803	DH_HK2_L1
1721	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C804	DH_HK2_L1
1722	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH08_No02 [STT 32-62]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C805	DH_HK2_L1
1723	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C806	DH_HK2_L1
1724	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C808	DH_HK2_L1
1725	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
1726	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
1727	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
1728	CS03001	Kỹ thuật số	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C514	DH_HK2_L1
1729	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH01	4	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1730	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH02	5	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1731	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH03	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1732	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH04	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1733	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH05	2	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1734	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH06	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1735	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH07	5	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1736	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH08	2	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1737	CS03001	Kỹ thuật số	D19_TH09	4	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1738	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH01	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1739	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH02	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1740	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH03	3	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_HL
1741	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH05	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1742	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH07	3	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1743	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH09	6	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1744	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH11	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1745	CS03001	Kỹ thuật số	D18_TH13	2	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1746	CS03001	Kỹ thuật số	D17_TH01	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1747	CS03001	Kỹ thuật số	D17_TH03	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1748	CS03001	Kỹ thuật số	D17_TH04	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1749	CS03001	Kỹ thuật số	D17_TH08	2	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1750	CS03001	Kỹ thuật số	D17_TH09	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1751	CS03001	Kỹ thuật số	D17_TH10	4	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1752	CS03001	Kỹ thuật số	D16_TH02	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1753	CS03001	Kỹ thuật số	D16_TH04	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1754	CS03001	Kỹ thuật số	D16_TH07	2	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1755	CS03001	Kỹ thuật số	D16_TH09	1	Hai	30/08/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_HL
1841	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH01	30	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C701	DH_HK6_L1
1842	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH02	25	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_L1
1843	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH03	17	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C703	DH_HK6_L1
1844	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH04	24	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C704	DH_HK6_L1
1845	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH05	12	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C704	DH_HK6_L1
1846	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH06	15	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C705	DH_HK6_L1
1847	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH07	11	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C705	DH_HK6_L1
1848	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH08	17	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C705	DH_HK6_L1
1849	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH09	16	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C706	DH_HK6_L1
1850	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH10	24	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C706	DH_HK6_L1
1851	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH11	18	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C708	DH_HK6_L1
1852	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH12	24	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C708	DH_HK6_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
1853	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH13	13	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_L1
1854	CS03023	Thương mại điện tử	D18_TH14	15	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_L1
1855	CS03023	Thương mại điện tử	D17_TH01	2	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1856	CS03023	Thương mại điện tử	D17_TH05	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1857	CS03023	Thương mại điện tử	D17_TH08	2	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1858	CS03023	Thương mại điện tử	D17_TH09	3	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1859	CS03023	Thương mại điện tử	D16_TH03	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1860	CS03023	Thương mại điện tử	D16_TH06	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1861	CS03023	Thương mại điện tử	D16_TH07	1	Ba	31/08/2021	09 giờ 30	C608	DH_HK6_HL
1992	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH01_No01 [STT 01-28]	28	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C301	DH_HK2_L1
1993	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH01_No02 [STT 29-56]	28	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C308	DH_HK2_L1
1994	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH02_No01 [STT 01-25]	25	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C310	DH_HK2_L1
1995	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH02_No02 [STT 26-49]	24	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C312	DH_HK2_L1
1996	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH03_No01 [STT 01-30]	30	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C314	DH_HK2_L1
1997	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH03_No02 [STT 31-59]	29	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C401	DH_HK2_L1
1998	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH04_No01 [STT 01-25]	25	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C408	DH_HK2_L1
1999	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH04_No02 [STT 26-49]	24	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C410	DH_HK2_L1
2000	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH05_No01 [STT 01-26]	26	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C412	DH_HK2_L1
2001	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH05_No02 [STT 27-52]	26	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C414	DH_HK2_L1
2002	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH06_No01 [STT 01-31]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C501	DH_HK2_L1
2003	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH06_No02 [STT 32-61]	30	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C508	DH_HK2_L1
2004	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH07_No01 [STT 01-31]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C510	DH_HK2_L1
2005	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH07_No02 [STT 32-61]	30	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C512	DH_HK2_L1
2006	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH08_No01 [STT 01-31]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C514	DH_HK2_L1
2007	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH08_No02 [STT 32-62]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C601	DH_HK2_L1
2008	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH09_No01 [STT 01-31]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK2_L1
2009	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH09_No02 [STT 32-62]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK2_L1
2010	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH10_No01 [STT 01-31]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK2_L1
2011	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH10_No02 [STT 32-62]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C606	DH_HK2_L1
2012	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH11_No01 [STT 01-32]	32	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C608	DH_HK2_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2013	CS09001	Nhập môn lập trình	D20_TH11_No02 [STT 33-63]	31	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C706	DH_HK2_L1
2014	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH01	14	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
2015	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH02	6	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
2016	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH03	4	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
2017	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH04	20	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C701	DH_HK2_HL
2018	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH05	7	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
2019	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH06	23	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
2020	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH07	13	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C703	DH_HK2_HL
2021	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH08	13	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
2022	CS09001	Nhập môn lập trình	D19_TH09	16	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
2023	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH01	2	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
2024	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH03	2	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C704	DH_HK2_HL
2025	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH04	16	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2026	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH05	3	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2027	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH06	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2028	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH07	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2029	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH09	2	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2030	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH10	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2031	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH11	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2032	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH12	3	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2033	CS09001	Nhập môn lập trình	D18_TH13	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2034	CS09001	Nhập môn lập trình	D17_TH01	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2035	CS09001	Nhập môn lập trình	D17_TH04	2	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2036	CS09001	Nhập môn lập trình	D17_TH05	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2037	CS09001	Nhập môn lập trình	D17_TH08	2	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2038	CS09001	Nhập môn lập trình	D17_TH09	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2039	CS09001	Nhập môn lập trình	D16_TH06	1	Tư	01/09/2021	13 giờ 30	C705	DH_HK2_HL
2173	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	C18_TH01	18	Sáu	03/09/2021	08 giờ 00	C606	CD_HK6_L1
2197	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH01	22	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C605	DH_HK8_L1
2198	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH02	24	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C606	DH_HK8_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2199	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH03	25	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C606	DH_HK8_L1
2200	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH04	22	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C608	DH_HK8_L1
2201	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH05	14	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C608	DH_HK8_L1
2202	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH06	11	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C608	DH_HK8_L1
2203	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH07	32	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C512	DH_HK8_L1
2204	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH08	21	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2205	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH09	24	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C701	DH_HK8_L1
2206	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D17_TH10	19	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_L1
2216	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D16_TH01	1	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2217	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D16_TH02	1	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2218	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D16_TH06	2	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2219	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D16_TH08	2	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2220	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D16_TH10	1	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2224	GS79004	Lý luận chính trị cuối khóa	D15_TH07	1	Sáu	03/09/2021	14 giờ 00	C703	DH_HK8_HL
2101	CS03036	Lập trình Web	D17_TH01	10	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK8_L1
2102	CS03036	Lập trình Web	D17_TH02	5	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK8_L1
2103	CS03036	Lập trình Web	D17_TH03	18	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK8_L1
2104	CS03036	Lập trình Web	D17_TH04	15	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C603	DH_HK8_L1
2105	CS03036	Lập trình Web	D17_TH05	11	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK8_L1
2106	CS03036	Lập trình Web	D17_TH06	5	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK8_L1
2107	CS03036	Lập trình Web	D17_TH07	16	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK8_L1
2108	CS03036	Lập trình Web	D17_TH08	10	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C604	DH_HK8_L1
2109	CS03036	Lập trình Web	D17_TH09	14	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK8_L1
2110	CS03036	Lập trình Web	D17_TH10	17	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK8_L1
2111	CS03036	Lập trình Web	L19_TH01	1	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK8_L1
2112	CS03036	Lập trình Web	D16_TH07	1	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK8_HL
2113	CS03036	Lập trình Web	D15_TH07	2	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK8_HL
2114	CS03036	Lập trình Web	D15_TH08	1	Chủ nhật	05/09/2021	13 giờ 30	C605	DH_HK8_HL
2414	CS01001	Đồ án tin học 1	C18_TH01	6	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				CD_NKH_HL
2423	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH01	55	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2424	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH02	49	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2425	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH03	59	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2426	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH04	49	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2427	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH05	51	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2428	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH06	61	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2429	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH07	61	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2430	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH08	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2431	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH09	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2432	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH10	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2433	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D20_TH11	63	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2442	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D19_TH05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2443	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D19_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2444	GS99001	Giáo dục thể chất 1	D18_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2460	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH01	55	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2461	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH02	49	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2462	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH03	59	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2463	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH04	49	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2464	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH05	51	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2465	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH06	61	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2466	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH07	61	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2467	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH08	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2468	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH09	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2469	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH10	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2470	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D20_TH11	63	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2479	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D19_TH05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2480	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D19_TH09	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2483	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D18_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2484	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D18_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2487	GS99002	Giáo dục thể chất 2	D17_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2529	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH01	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2530	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH02	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
2531	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH07	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
2532	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH09	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
2533	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH10	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
2534	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	L19_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1	
2535	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH01	32		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2536	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH02	25		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2537	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH03	22		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2538	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH04	23		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2539	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH05	15		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2540	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH06	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2541	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH07	20		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2542	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH08	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2543	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH09	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2544	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH10	30		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2545	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH11	20		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2546	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH12	31		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2547	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH13	14		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2548	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH14	16		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2549	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH01	9		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2550	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH02	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2551	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH04	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2552	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH05	11		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2553	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH06	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2554	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH07	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2555	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH08	7		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2556	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH09	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2557	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH10	9		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2558	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH01	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2559	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH02	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2560	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH03	5	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2561	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH04	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2562	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH06	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2563	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2564	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH08	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2565	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH01	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2566	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2567	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2568	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2569	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH05	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2570	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2571	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2572	CS03017	Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	L19_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2573	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH01	16	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2574	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH02	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2575	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH03	25	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2576	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH04	21	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2577	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH05	16	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2578	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH06	11	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2579	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH07	26	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2580	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH08	19	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2581	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH09	15	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2582	CS03037	Lập trình Windows	D17_TH10	19	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
2583	CS03037	Lập trình Windows	D15_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
2618	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH01	45	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
2619	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH02	48	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
2620	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH03	48	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
2621	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH04	39	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
2622	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH05	42	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1
2623	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH06	48	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK4_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2624	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH07	41		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2625	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH08	36		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2626	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D19_TH09	39		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2627	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	L20_TH01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2628	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_TH01	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2629	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_TH02	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2630	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2631	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D18_TH13	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2632	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D17_TH04	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2633	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D17_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2634	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D17_TH08	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2635	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D16_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2636	CS03047	Nhập môn công tác kỹ sư	D16_TH09	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2641	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH01	33		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2642	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH02	24		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2643	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH03	25		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2644	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH04	25		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2645	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH05	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2646	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH06	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2647	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH07	20		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2648	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH08	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2649	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH09	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2650	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH10	33		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2651	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH11	22		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2652	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH12	31		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2653	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH13	13		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2654	CS09011	Quản trị mạng	D18_TH14	19		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2655	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH01	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2656	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH02	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2657	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH04	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2658	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH05	8		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2659	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH06	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2660	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH07	10		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2661	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH08	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2662	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH09	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2663	CS09011	Quản trị mạng	D17_TH10	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2664	CS09011	Quản trị mạng	D16_TH02	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2665	CS09011	Quản trị mạng	D16_TH03	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2666	CS09011	Quản trị mạng	D16_TH04	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2667	CS09011	Quản trị mạng	D16_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2668	CS09011	Quản trị mạng	D16_TH07	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2669	CS09011	Quản trị mạng	D16_TH08	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2670	CS09011	Quản trị mạng	C16_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2673	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH01	32		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2674	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH02	25		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2675	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH03	25		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2676	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH04	24		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2677	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH05	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2678	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH06	15		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2679	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH07	20		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2680	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH08	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2681	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH09	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2682	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH10	32		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2683	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH11	22		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2684	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH12	31		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2685	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH13	14		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2686	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D18_TH14	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2687	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D17_TH07	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2688	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D17_TH08	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	
2689	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D17_TH09	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2690	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D17_TH10	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2691	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D16_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2692	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D16_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2693	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D19_TH01	9	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HV
2694	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D19_TH02	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HV
2695	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D19_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HV
2696	CS03021	Seminar nghề nghiệp	D19_TH08	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HV
2697	THPM0001	TH Xây dựng phần mềm Windows	L17_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				LT_NKH_HL
2729	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH01	55	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2730	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH02	49	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2731	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH03	59	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2732	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH04	49	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2733	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH05	52	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2734	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH06	61	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2735	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH07	61	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2736	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH08	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2737	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH09	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2738	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH10	62	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2739	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D20_TH11	63	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_L1
2744	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D19_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2745	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D19_TH04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2746	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D19_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2747	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D19_TH08	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2748	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D19_TH09	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2749	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D18_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2750	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D18_TH05	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2751	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D18_TH13	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2752	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D17_TH04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2753	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D17_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
2754	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D16_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2755	CS03002	Thí nghiệm Kỹ thuật số	D15_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2791	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH01	56		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2792	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH02	49		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2793	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH03	59		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2794	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH04	49		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2795	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH05	52		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2796	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH06	61		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2797	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH07	61		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2798	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH08	62		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2799	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH09	62		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2800	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH10	62		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2801	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D20_TH11	63		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
2804	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2805	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH03	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2806	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH04	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2807	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2808	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2809	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH07	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2810	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D19_TH09	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2812	GS49005	Thí nghiệm Vật lý_Phần 2	D18_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
2847	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH01	44		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2848	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH02	50		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2849	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH03	48		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2850	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH04	39		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2851	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH05	42		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2852	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH06	44		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2853	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH07	39		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2854	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH08	33		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2855	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D19_TH09	33		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2856	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	L20_TH01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2857	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH01	11		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2858	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH02	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2859	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH03	10		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2860	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2861	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH07	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2862	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH08	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2863	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH10	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2864	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH11	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2865	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH12	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2866	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D18_TH13	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2867	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH01	6		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2868	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH02	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2869	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH03	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2870	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH04	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2871	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2872	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH06	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2873	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH07	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2874	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH08	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2875	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH09	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2876	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D17_TH10	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2877	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2878	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH02	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2879	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH03	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2880	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH04	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2881	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2882	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH07	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2883	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH09	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2884	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D16_TH10	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2885	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	D15_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2886	CS03010	Thực hành Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	L19_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2894	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH01	43		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2895	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH02	47		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2896	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH03	48		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2897	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH04	39		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2898	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH05	41		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2899	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH06	45		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2900	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH07	40		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2901	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH08	33		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2902	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D19_TH09	40		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2903	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	L20_TH01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2904	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH01	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2905	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH02	16		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2906	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH03	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2907	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH04	9		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2908	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH05	8		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2909	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH06	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2910	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH07	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2911	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH08	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2912	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH09	12		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2913	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH10	6		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2914	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH11	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2915	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH13	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2916	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D18_TH14	7		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2917	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2918	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH02	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2919	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH03	8		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2920	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH04	5		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2921	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH05	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2922	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2923	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH07	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2924	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH08	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2925	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH09	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2926	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D17_TH10	6		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2927	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D16_TH01	3		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2928	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D16_TH04	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2929	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D16_TH06	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2930	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D16_TH10	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2931	CS03011	Thực hành Cơ sở dữ liệu	D15_TH05	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2957	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH01	45		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2958	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH02	48		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2959	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH03	48		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2960	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH04	39		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2961	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH05	42		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2962	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH06	48		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2963	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH07	39		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2964	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH08	34		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2965	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D19_TH09	36		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2966	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	L20_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_L1	
2967	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D18_TH01	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2968	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D18_TH14	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2969	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D17_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2970	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D17_TH04	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2971	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D17_TH07	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2972	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D17_TH10	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2973	CS03012	Thực hành Hệ điều hành	D16_TH10	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK4_HL	
2974	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH01	33		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2975	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH02	25		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2976	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH03	21		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2977	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH04	23		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	
2978	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH05	15		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
2979	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH06	16	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2980	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH07	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2981	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH08	17	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2982	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH09	17	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2983	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH10	33	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2984	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH11	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2985	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH12	32	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2986	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH13	14	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2987	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D18_TH14	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
2988	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH01	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2989	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH02	5	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2990	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH03	4	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2991	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2992	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH05	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2993	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH06	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2994	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH08	4	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2995	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH09	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2996	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D17_TH10	15	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2997	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2998	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
2999	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3000	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3001	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3002	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	D16_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3003	CS03027	Thực hành Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	L19_TH01	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3014	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH01	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3015	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH02	4	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3016	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH07	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3017	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3018	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	D17_TH10	4	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3019	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	L19_TH01	1			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_L1
3020	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	D16_TH07	1			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK8_HL
3021	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH01	33			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3022	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH02	25			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3023	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH03	21			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3024	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH04	23			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3025	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH05	15			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3026	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH06	17			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3027	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH07	18			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3028	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH08	18			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3029	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH09	17			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3030	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH10	32			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3031	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH11	20			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3032	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH12	31			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3033	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH13	13			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3034	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D18_TH14	19			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_L1
3035	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH01	14			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3036	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH02	5			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3037	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH04	2			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3038	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH05	11			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3039	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH06	5			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3040	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH07	7			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3041	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH08	7			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3042	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH09	8			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3043	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D17_TH10	14			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3044	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH01	2			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3045	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH02	2			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3046	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH03	6			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3047	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH04	3			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL
3048	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH06	2			Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK6_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3049	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH07	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3050	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH08	6	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3051	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D16_TH10	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3052	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH01	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3053	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH02	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3054	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH03	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3055	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH04	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3056	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH05	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3057	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3058	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	D15_TH10	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3059	CS03028	Thực hành Lập trình ứng dụng cơ sở dữ liệu	L19_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3060	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH01	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3061	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3062	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH04	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3063	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3064	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH07	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3065	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH08	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3066	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH09	8	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3067	CS03039	Thực hành Lập trình Web	D17_TH10	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3068	CS03039	Thực hành Lập trình Web	L19_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3069	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH01	17	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3070	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH02	22	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3071	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH03	25	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3072	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH04	21	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3073	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH05	16	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3074	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH06	11	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3075	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH07	26	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3076	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH08	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3077	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH09	15	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3078	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	D17_TH10	19	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3092	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH01	56		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3093	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH02	49		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3094	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH03	59		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3095	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH04	49		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3096	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH05	52		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3097	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH06	61		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3098	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH07	61		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3099	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH08	62		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3100	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH09	62		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3101	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH10	62		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3102	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D20_TH11	63		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_L1	
3103	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH01	18		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3104	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH02	8		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3105	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH03	14		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3106	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH04	9		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3107	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH05	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3108	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH06	8		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3109	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH07	6		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3110	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH08	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3111	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D19_TH09	17		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3112	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3113	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH02	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3114	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH03	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3115	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH04	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3116	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH05	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3117	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH08	2		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3118	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH11	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3119	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH12	4		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3120	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D18_TH14	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	
3121	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH01	1		Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.		DH_HK2_HL	

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3122	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH04	5	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3123	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH05	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3124	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3125	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3126	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH08	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3127	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3128	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D17_TH10	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3129	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D16_TH03	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3130	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	D16_TH10	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3131	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	C16_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3132	CS01011	Thực hành Nhập môn lập trình Web	C18_TH01	10	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				CD_NKH_HL
3151	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	D18_TH14	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK2_HL
3174	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH01	12	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3175	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH02	11	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3176	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH03	17	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3177	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH04	17	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3178	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH05	11	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3179	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH06	10	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3180	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH07	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3181	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH09	3	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3182	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH10	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3183	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH11	4	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3184	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH12	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3185	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH13	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3186	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D18_TH14	10	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_L1
3187	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D17_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3188	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D17_TH02	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3189	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D17_TH05	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3190	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D17_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3191	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D17_TH08	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL

TT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Lịch thi mới				HK_Thi
					Thứ	Ngày thi	Ca thi	Phòng	
3192	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D17_TH09	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3193	CS03025	Thực tập An ninh máy tính	D16_TH07	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK6_HL
3207	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH01	8	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3208	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH02	18	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3209	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH03	18	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3210	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH04	19	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3211	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH05	8	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3212	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH06	7	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3213	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH07	28	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3214	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH08	19	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3215	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH09	20	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3216	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D17_TH10	15	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3239	CS01151	Thực tập tốt nghiệp	C18_TH01	18	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				CD_HK6_L1
3242	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	L19_TH01	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_L1
3247	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3248	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TH04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3249	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TH06	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3250	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D16_TH10	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3260	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D15_TH01	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3261	CS03151	Thực tập tốt nghiệp	D15_TH04	2	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				DH_HK8_HL
3266	CS01151	Thực tập tốt nghiệp	C15_TH01	1	Khoa/ Giảng viên tổ chức thi.				CD_HK6_HL